



## PHỤC DỰNG VÀ BẢO TỒN TUỒNG CỔ QUA HƯỚNG KHAI THÁC CÁC KỊCH BẢN TUỒNG HÁN NÔM

ThS Nguyễn Tô Lan\*

“Tuồng”, “hát bội” hay “hát bội” là loại hình kịch hát truyền thống đặc thù của Việt Nam. Chữ “tuồng” vốn dĩ là tên gọi chung để chỉ một vở kịch hát<sup>1</sup>, sau dần được coi như là một danh từ để chỉ riêng cho loại hình nghệ thuật “hát bội”. Hiện nay, ngoài vấn đề tên gọi chính thống, giới khoa học vẫn chưa thống nhất nhiều điểm về tuồng như: thời điểm ra đời của nghệ thuật tuồng, phân kỳ lịch sử phát triển của nó, đặc thù của mỗi giai đoạn, mối quan hệ giữa tuồng và diễn xướng dân gian; hoạt động tín ngưỡng dân gian, mối quan hệ giữa tuồng và kịch hát khu vực cũng như thế giới v.v... nhưng mọi ý kiến đều thống nhất tuồng là loại hình nghệ thuật đặc thù có giá trị, thể hiện bản sắc và là sự phát triển đỉnh cao của sân khấu truyền thống Việt Nam, thậm chí tuồng còn được coi là thước đo để đánh giá “trình độ văn minh” của dân tộc. Trần Văn Khải trong *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam* đánh giá: “Hát bội hay về lối cổ điển. Về hình thức tuy cổ lỗ nhưng về tinh thần nó có thể tượng trưng cho cái “Nho phong sỹ khí” của dân tộc Việt Nam”<sup>2</sup>.

Nhìn chung, có thể chia lịch sử tuồng thành 2 giai đoạn lớn: tuồng cổ và tuồng hiện đại. Tuồng cổ vốn là hình thức diễn xướng phát xuất từ dân gian, dần dần được cố định hoá về mặt phong cách, nghệ thuật biểu diễn và kịch bản. Sau này, trong giai đoạn hưng thịnh của nó (triều Nguyễn), tuồng cổ còn là một thể loại sáng tác văn học được nhiều danh nho, danh văn của triều đình phong kiến ưa chuộng (có thể kể đến một loạt tác gia thuộc hoàng tộc như đức ông Trấn Biện soạn *Tạc không truyền kỳ*, Hoàng Hoá quận vương, đức ông Nam Sách, đức ông Ninh Thuận cùng soạn bộ *Tuyệt diệu bình yên*<sup>3</sup>, Diên Khánh vương soạn một phần bộ *Vạn biểu trình tường*<sup>4</sup>, Hàm Thuận vương soạn *Bình hoài*, tương truyền vua Minh Mạng cũng tham gia sáng tác phần vở *Quần tiên hiến thọ*<sup>5</sup>; các tác gia là bậc đại nho của triều đình như Đào Tấn soạn *Tân Dã đôn*, Hoàng Phi Hổ quá Giới Bài quan, Cổ

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

*thành v.v...*, Ngô Quý Đồng, Trương Quốc Dụng tham gia Ban hiệu thư v.v...). Tuồng cổ có phương thức trình diễn đặc thù, nội dung xoay quanh các vấn đề thuộc về xã hội phong kiến Việt Nam (dù cho là tuồng mượn tích Trung Quốc hay nội dung kịch của Pháp như vở *Lộ Dịch*<sup>6</sup> của Ứng Bình Thúc Dạ Thị thì rốt cục cũng là để nói chuyện nước ta). Kịch bản của tuồng cổ được viết bằng chữ Nôm, nên cùng với việc văn tự tượng hình truyền thống được dùng thời phong kiến này được thay thế bằng chữ quốc ngữ vào năm 1945 thì tuồng cổ không được tiếp tục sáng tác hoặc biên chép bằng chữ Nôm. Nếu có thêm những bản Nôm thì đó chỉ là những bản chép hoặc sao chụp lại những văn bản Nôm đã có mà thôi. Tuồng hiện đại ra đời là một sự tiếp nối tuồng cổ, với mong muốn cải biên tuồng truyền thống cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Tuồng hiện đại được sáng tác với nội dung mới, bám sát thị hiếu công chúng và diễn biến lịch sử của dân tộc, có thể là những vở hoàn toàn dựa trên con người, đặc điểm xã hội mới để dàn dựng như *Chị Ngộ*, *Má Tám*, *Sư già và em bé v.v...*, mượn đề tài lịch sử dân tộc như *An Tư công chúa*, *Đề Thám*, *Trung Nữ vương*, *Áo vải cò đào v.v...*, hoặc dùng hình thức cũ của tuồng để sáng tác là “tuồng náo” với nội dung, nhân vật mới như vở *Con chó vện v.v...* Cho đến nay, tuồng hiện đại vẫn tiếp tục được sáng tác, dàn dựng và biểu diễn.

Hiển nhiên, tuồng cổ gắn với nguyên gốc nhất. Tuồng cổ có quá trình phát triển dài lâu, bắt rễ sâu rộng trong dân gian, tham dự vào sinh hoạt văn hoá dân gian trong nhiều thế kỷ, lại thu hút được đông đảo các nho sỹ tham gia sáng tác. Tuồng cổ có số lượng vở khá lớn với nội dung phong phú, phản ánh được nhiều tầng thứ văn hoá truyền thống Việt Nam, và trở thành một bộ phận quan trọng trong di sản văn hoá Việt Nam nói chung và lịch sử tuồng Việt Nam nói riêng. Trong đó, có nhiều vở được coi như mẫu mực của nghệ thuật tuồng, nghĩa là nhắc đến tuồng là phải nhắc đến nó như *Sơn Hậu*, *Tam nữ đồ vương*, *Hộ sanh đàn*, *Ngự Văn Quân v.v...*, có những lớp tuồng được coi là lớp tuồng kinh điển như *Đổng Kim Lân qua đèo*, *Triệu Đình Long cứu chúa*, *Đào Tam Xuân loạn trào*, *Tiết Cương chống búa v.v...* bao hàm những “miếng” tuồng mà người biểu diễn phải thuộc nằm lòng, kỹ thuật biểu diễn thể hiện trình độ của người diễn viên đã đạt đến “đăng đường nhập thất” hay chưa.

Tuồng cổ có giá trị là thế nhưng hiện nay số lượng tuồng cổ được trình diễn không nhiều. Cho đến năm 2008, lần đầu tiên mới có một Liên hoan Tuồng truyền thống được tổ chức nhằm khôi phục vốn cổ, tìm lại những giá trị kinh điển của tuồng truyền thống, “cho người xem thấy được một bức tranh nghệ thuật cổ điển hoành tráng và đa dạng mà đã khá lâu ít thấy trên sân khấu cũng như trên màn hình TV”<sup>7</sup>, nhưng ngay trong Liên hoan Tuồng truyền thống này cũng vẫn xuất hiện những vở tuồng hiện đại với đề tài lịch sử là *Thanh gươm hát bội*<sup>8</sup> và bởi theo như GS. Hoàng Chương - Trưởng ban Tổ chức – đã phát biểu: “Tuy vậy cũng phải có chiêm chước, phải có một “cửa phụ” dành cho những đơn vị nào không có khả năng phục hồi vở truyền thống trong một thời gian eo hẹp, nhưng có thể bước vào

sân khấu liên hoan bằng những tiết mục lịch sử nhưng biết vận dụng các thủ pháp nghệ thuật truyền thống mà làm nên một vở diễn hay mang đậm chất tuồng”<sup>9</sup>.

Hiện trạng này một phần do hạn chế khách quan của lịch sử mà trong một thời gian dài sau độc lập tuồng “vật vã” để được tồn tại và được công nhận, đến khi được công nhận lại cố gắng để thay đổi cho phù hợp với các nhiệm vụ chính trị đương thời, nhưng phần khác quan trọng hơn chính là vì lực lượng khai thác tuồng cổ và bản thân tuồng cổ ngày một mất mát, khó có thể khôi phục được. Thật may là thời gian gần đây, bộ môn nghệ thuật tuồng, nhất là tuồng cổ, được coi trọng một cách đúng mức, vì vậy, vấn đề bảo tồn và phục dựng tuồng cổ được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. Tuồng là một loại hình ca kịch, vì vậy muốn phục dựng tuồng cổ phải dựa vào hai thành tố cơ bản cấu thành nên nó là: kịch bản và nghệ thuật biểu diễn. Trong khuôn khổ chủ đề bài viết, chúng tôi chỉ xin đề cập đến thành tố thứ nhất là kịch bản.

Kịch bản tuồng cổ được viết bằng chữ Nôm. Thời phong kiến, con đường truyền thừa nghệ thuật tuồng được chia thành hai nhánh: truyền nghệ và lưu truyền kịch bản. Truyền nghệ tức là truyền lại nội dung, cốt truyện, các câu hát, thậm chí nguyên cả một kịch bản tuồng theo phương pháp “dĩ tâm truyền tâm”, người nghệ sỹ truyền lại cho nhau, các đời nối nhau thuộc lòng để diễn, có khi diễn viên diễn tuồng theo lối “diễn cương”, tức là không có kịch bản sẵn, trước khi diễn được phổ biến qua về nội dung rồi người nghệ sỹ dựa vào đó, dùng những câu hát thích hợp đã thuộc sẵn để tự dàn dựng nên vở, miễn là hát cho hợp lý. Con đường lưu truyền kịch bản để chỉ quá trình kịch bản tuồng được sao chép, truyền tay qua nhiều thế hệ trong một gánh hát, hoặc trao đổi giữa các gánh, các nghệ nhân biểu diễn khác nhau, cố nhiên khi sao chép nhiều nội dung đã được thêm, bớt cũng như cùng một kịch bản thì các gánh hát khác nhau, các kép hát khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể có cách trình bày khác nhau, hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn, hoặc sửa chữa từ ngữ, câu hát. Cố nhiên, con đường thứ hai này chỉ có thể xây dựng được trong trường hợp nghệ nhân phải đọc thông được văn bản, tức là đọc được chữ Nôm. Sau độc lập, tuy Hán - Nôm không còn được sử dụng như văn tự chính thống nhưng lớp nghệ nhân thông thạo văn tự này vẫn còn, đó là những nghệ sỹ tên tuổi của làng tuồng Việt như Nguyễn Lai, Lê Bá Tùng v.v... Tuy vậy, thời gian trôi đi cùng với lớp nghệ nhân ngày càng khuất bóng, nghệ sỹ tuồng ngày nay (kể cả những nghệ sỹ đã thành nghề lâu năm) không đọc được văn bản gốc. Nghệ sỹ có thực sự hiểu kịch bản mới có thể diễn đúng với tinh thần vở tuồng, thể hiện được nét tinh tế trong diễn biến tâm lý nhân vật.

Khắc phục hạn chế về mặt văn tự, một số kịch bản tuồng cổ đã được phiên âm, dịch nghĩa và chú thích, nhưng số này là rất hạn chế so với trữ lượng phong phú của tuồng cổ. Trong thời gian qua, đã có một số kịch bản tuồng được phiên

âm, dịch sang tiếng Việt để người đương thời có thể tiếp cận được như *Son Hậu*, *Tam nữ đô vương*, *Tiên Bưu*, *Trần Bô*, *Trương Ngáo*, *Trương Đồ Nhục* v.v... , nhưng các vở này chỉ giới thiệu bản dịch mà không giới thiệu văn bản gốc nên trong nhiều trường hợp, những người muốn tìm hiểu thêm không có căn cứ để so sánh, đối chiếu. Nếu không kể những văn bản tuồng được phiên sang quốc ngữ và xuất bản rộng rãi ở Sài Gòn từ đầu thế kỷ XIX cho đến trước giải phóng thì phải tính đến 3 vở tuồng cổ được Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hoá, Sài Gòn xuất bản trước năm 1975 là *Đình Lưu Tú diễn ca*<sup>10</sup>, *Trần trá hôn*<sup>11</sup>, *Son Hậu*<sup>12</sup>, ba bản này ngoài bản dịch, chú còn in đầy đủ nguyên văn chữ Hán. Sau giải phóng, một số vở được giới thiệu kèm theo bản chữ Hán như *Kim thạch kỳ duyên*<sup>13</sup> do Nguyễn Q. Thắng phiên âm và khảo đính v.v... Nhưng tựu trung mà nói thì những văn bản đã được phiên dịch, giới thiệu là rất ít. Người diễn viên khó có thể phục dựng lại tuồng cổ trong khi bản thân họ không khai thác được văn bản, những văn bản đã giới thiệu, phần lớn đã được phục dựng và trình diễn, chất liệu không có, lấy đâu cái để “gột nên hồ”. May mắn thay, kịch bản tuồng cổ, hiện nay tuy không còn đầy đủ như trước, nhưng số lượng còn lại khá nhiều, khá phong phú về kịch bản và truyền bản của kịch bản. Kể như, cơ sở của việc phục dựng tuồng cổ vẫn còn giữ được nền móng vững chắc.

Nền móng này có thể nói đã được gây dựng và củng cố dưới thời Nguyễn. Triều Nguyễn ngay từ những ngày đầu lập nước đã có ý thức sưu tầm thư tịch Hán Nôm tản mát trong dân gian, đồng thời xây dựng nhiều trung tâm lưu trữ có tính chất quốc gia nhằm lưu trữ, nhân bản và quản lý những thư tịch quý này một cách có hệ thống. Tuy kịch bản tuồng được hình thành khá sớm, có vở đã được ghi lại bằng chữ Nôm nhưng chỉ đến triều Tự Đức (1848 - 1883), với quyết định lập Ban Hiệu thư thì những kịch bản tuồng tản mát trong dân gian, truyền thừa trong các gánh hát hoặc trong gia đình những người mê tuồng mới được tổ chức cố định hoá văn bản, hiệu chỉnh về văn từ, chỉnh sửa về số lớp, hồi như *Son Hậu*, *Tam nữ đô vương* v.v... , một số vở tuồng mới cũng được tổ chức biên soạn như *Vạn bưu trình tường*, *Quần phương tập khánh*, *Tứ quốc lai vương* v.v... Đào Tấn thuộc “biên chế” Ban Hiệu thư đã phụng sắc soạn được 03 vở *Bình dịch*, *Đãng khấu chí*, *Tam thái giám thủ bưu*, nhân bản văn bản tuồng và đưa vào các sở tàng thư của triều đình. Điều đáng tiếc là, những sở tàng thư này hiện hầu như không còn dấu vết, thư tịch được lưu giữ tại những nơi này một phần bị huỷ hoại, một phần bị thất tán, một phần khác may mắn hơn được thu thập và chuyển vào thư viện của các trường đại học, viện nghiên cứu và bằng nhiều con đường, hiện nay được lưu giữ tại nhiều thư viện trong nước và quốc tế. Do đó, thật khó để chúng ta có thể biết được tại thời điểm “hung thịnh” của nó, những cơ quan lưu trữ này đã lưu trữ những chủng loại thư tịch gì nói chung và tình hình lưu trữ kịch bản tuồng nói riêng. Tuy hiện không còn tồn tại nhưng một số bộ thư mục về thư tịch lưu trữ tại các cơ quan này vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay. Khó có thể nói rằng những

bộ thư mục còn lại này đã phản ánh hoàn toàn đầy đủ tất cả tư liệu vốn có ở các sở tàng thư nhưng chúng ta có cơ sở để tin rằng những bộ thư mục này đã phác hoạ khá rõ nét tình trạng của những trung tâm lưu trữ dưới triều Nguyễn và căn cứ vào những bộ thư mục này, diện mạo kho kịch bản tuồng sẽ được xây dựng gần với hiện thực nhất.

Với mục đích này, chúng tôi đã khảo sát toàn bộ những bộ thư mục của các trung tâm lưu trữ triều Nguyễn mà chúng tôi tiếp cận được<sup>14</sup>. Kết quả cho thấy, chỉ có hai bản thư mục có ghi chép về kịch bản tuồng là *Tân thư viện thủ sách* A.1024 và *Cổ học viện thư tịch thủ sách* A.2610/10. Nếu *Tân thư viện* (soạn năm 1914) chỉ chép về một bộ kịch bản tuồng duy nhất được lưu trữ tại đây là *Vạn bửu trình tường* với 27 bản chép tay<sup>15</sup> thì *Cổ học viện thư tịch thủ sách* (soạn năm 1925) biên chép tới 52 kịch bản tuồng<sup>16</sup>. Như vậy, tính đến năm 1925, có ít nhất 53 kịch bản tuồng được triều đình lưu trữ và đưa vào biên mục.

Bên cạnh những cố gắng của triều đình, kịch bản tuồng được lưu truyền đến ngày nay còn do chính bản thân những người nghệ sỹ đã sao chép, lưu giữ. Những kịch bản tuồng Viện Sân khấu (Đại học Sân khấu - Điện ảnh) sưu tầm được phần lớn là mua được từ ông Hoàng Ngọc Cơ, tức Giám Cơ, chủ gánh Đồng Xuân Lâu ở Huế, nghệ sỹ Lê Bá Tùng khi tham gia xây dựng Nhà hát Tuồng Trung ương đã mang về cho nhà hát 13 bản tuồng ông sưu tầm được<sup>17</sup> v.v.. Ngoài nghệ sỹ - người gắn bó trực tiếp với kịch bản tuồng - còn có những người yêu thích môn nghệ thuật này đã góp sức chung tay để lưu truyền chúng. Đạm Phương nữ sử đã cảm thán mà rằng: “Nghe đâu quan tá lý bộ Học Tiên Đầu tiên sinh có xin trích ra một món tiền để tìm tòi sao lục các bản tuồng cổ, đưa vào các viện tàng thư, khiến cho người sau còn được thưởng giám văn chương cổ diệu, thật là một sự bảo tồn xứng đáng thay”<sup>18</sup>.

Trên cơ sở bảo tồn nhà nước và bảo tồn tư nhân, kịch bản tuồng đã có thể được lưu truyền đến ngày nay, cho dù số phận của kịch bản tuồng cổ cũng như số phận của thư tịch Hán Nôm nói chung gặp khá nhiều bước truân chuyên. Thời phong kiến, thời mà tuồng còn thịnh hành như là món ăn tinh thần số một của toàn dân mà số phận còn như vậy, trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, khi mà vấn đề giải phóng đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc được đặt lên trên hết, lại thêm nhiều chính sách về văn hoá do hạn chế của lịch sử đã không tạo điều kiện cho sự tồn tại và truyền thừa của kịch bản tuồng, “có người đã đem cả bộ kịch bản tuồng bán cân cho người ta dùng làm giấy cuộn thuốc lá. Đau xót biết bao.”<sup>19</sup>. Mặc dù vậy, sự hiện tồn của kịch bản tuồng cổ ngày nay ngoài số đã bị huỷ hoại không thể tìm lại được, phần còn lại bằng nhiều con đường đã có mặt trong các trung tâm lưu trữ trong và ngoài nước, hoặc tư gia đã chứng minh rằng những cố gắng của con người qua các đời đã không uổng phí. Nói tiếp tiền nhân, chúng tôi mong muốn có thể đưa ra một cái nhìn chân thực về tình trạng văn bản tuồng cổ hiện

nay. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng chúng tôi chỉ có thể tiếp cận được một số thư viện chính, và một số tư gia. Tuy vậy, cũng như ở phần trên, chúng tôi từ trong những thông tin ít ỏi có được, mong muốn dựng lên một cách cơ bản diện mạo của những kịch bản tuồng hiện còn. Từ đó, cung cấp cơ sở cho công tác phục dựng và bảo tồn tuồng cổ trong thời gian sắp tới.

Có thể chia các địa điểm lưu trữ này thành 3 nhóm chính: thư viện công trong nước, thư viện công nước ngoài, các nhà lưu trữ tư nhân. Thống kê được thể hiện ở bảng sau đây.

Trong bảng thống kê này, tiêu chí thống kê là văn bản kịch bản tuồng hiện tồn tại các nơi lưu trữ. Trên thực tế, một kịch bản tuồng cổ có nhiều truyền bản, các truyền bản được lưu trữ tại các nơi khác nhau. Nhiều trường hợp, một kịch bản tuồng bị tách thành nhiều hồi, các hồi lại cũng được phân tán lưu trữ ở nhiều nơi. Có khi, tuồng chừng cùng là một kịch bản, dùng cùng một chất liệu nội dung để sáng tác nhưng lại là hai hệ văn bản khác hẳn nhau. Đây là trường hợp của hai tuyển kịch bản sử dụng chất liệu của *Tam quốc chí*. Một tuyển là các trích đoạn riêng biệt, hoàn chỉnh một tích truyện như *Giang tả cầu hôn*, *Tiệt giang*, *Hoa dung tiểu lộ* v.v. Những trích đoạn này tồn tại như một vở độc lập, thường được diễn trong một đêm, chúng được nhóm lại với nhau vì cùng khai thác các tích truyện của *Tam quốc chí*. Tuyển thứ hai là pho tuồng trường thiên có tên là *Tam quốc chí* gồm 110 hồi liên tiếp bám sát theo nội dung của *Tam quốc chí*, các hồi liên hệ chặt chẽ với nhau về nhiều mặt, thường dùng để đọc như một tác phẩm văn học hơn là dùng để diễn. Do thực trạng lưu trữ phức tạp và công việc đọc duyệt các văn bản này không phải chỉ trong một sớm một chiều nên ở đây chúng tôi lấy tiêu chí thống kê là văn bản kịch bản tuồng cổ chứ không phải là kịch bản tuồng. Như vậy, số kịch bản tuồng thực tế sẽ ít hơn nhiều so với số văn bản kịch bản tuồng cổ (một kịch bản tuồng có thể có nhiều truyền bản được lưu trữ ở nhiều nơi, hoặc chỉ có một văn bản nhưng được chia thành nhiều phần lưu trữ ở những nơi khác nhau v.v..).

---

## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Tham khảo thêm: Vương Hồng Sển, *Hồi ký năm mươi năm mê hát, năm mươi năm cải lương*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr.309.
- <sup>2</sup> Trần Văn Khai, *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*, Xuân Thu tái bản, bản in ở Đài Bắc, Đài Loan, tr.265, bài tựa (viết năm Bình Ngô).
- <sup>3</sup> Dẫn theo Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, tạp chí *Nam Phong*, số 76, năm 1923,
- <sup>4</sup> Theo Đoàn Nông, *Sự tích và nghệ thuật hát bội*, Mai Lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1943, tr.29: “Diễn Khánh vương, con đức Gia Long có soạn đã hai phần ba bộ tuồng *Vạn bửu trình tuồng* và *Lý Phụng Đình*”.

- <sup>5</sup> Theo Tôn Thất Bình, *Tuồng Huế*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr.257, tr.137 - 139.
- <sup>6</sup> Biên soạn dựa theo kịch bản vở *Le Cid* của Corneille (Pháp).
- <sup>7</sup> Hoàng Chương, bđd.
- <sup>8</sup> Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Khánh Hoà.
- <sup>9</sup> Hoàng Chương, bđd.
- <sup>10</sup> Đỗ Nhật Tân (phiên âm và chú giải), *Đinh Lưu Tú diễn ca*, Tủ sách Cổ văn - Ủy ban dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản, 1971, 120 trang, phụ lục nguyên bản chữ Hán bản in năm 1894 tại Bảo Hoa các, Phật Trấn.
- <sup>11</sup> Phan Vọng Húc (phiên âm và chú giải), *Trần trá hôn diễn ca*, Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hoá xuất bản, Sài Gòn, 1971, 82 trang phụ lục nguyên bản chữ Hán mộc bản khắc năm Quang Tự Mậu Thân (1908), Phụng du lý Minh Chương hiệu đính chính, Việt Đông Phật trấn Anh Văn đường tàng bản.
- <sup>12</sup> Hoàng Văn Hòe (phiên âm & chú giải), *Sơn Hậu diễn truyện*, Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản, Sài Gòn, 1971, CXXXII trang phụ lục nguyên bản chữ Hán bản viết tay của Trần Hữu Hiền năm Khải Định 2 (1917).
- <sup>13</sup> Nguyễn Q. Thắng (phiên âm và khảo đính), *Bùi Hữu Nghĩa và Kim thạch kỳ duyên*, NXB Văn học, Hà Nội, 1993.
- <sup>14</sup> Bao gồm các bản thư mục lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm là: *Tàng thư lâu bạ tịch* 藏書樓簿籍 A. 968; *Sử quán thư mục* A.112; *Sử quán thủ sách* 史館守冊 A.1025; *Nội các thư mục* 內閣書目 A.113/1-2; *Nội các thủ sách* 內閣守冊 A.2644; *Tự Khuê thư viện tổng mục sách* 聚奎書院總目冊 A.119/1 - 3 *Tự Khuê thư viện tổng mục sách - Quốc thư bản* 聚奎書院總目冊 - 國書板 A.111; *Đông các tôn trí các bộ thư tổng mục sách* (東閣尊置各部書總目冊) A.110/3; *Tân thư viện thủ sách* 新書院守冊 A.1024; *Tân thư viện thủ sách* 新書院守冊 A.2645; *Cổ học viện thư tịch thủ sách* 古學院書籍守冊 A.2601/1-11; một số bản thư mục khác như *Đại Nam Quốc sử quán tàng thư mục* SA.HM.2185 thuộc về thư viện Hiệp hội châu Á Paris (Société Asiatique, Paris) và *Bí thư sở thủ sách* 秘書所守冊 hiện lưu trữ tại thư viện tư gia ông Trần Đình Sơn, TP. Hồ Chí Minh.
- <sup>15</sup> Theo *Tân thư viện thủ sách*, A.1024, trang 228b, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- <sup>16</sup> Xem thêm: Nguyễn Tô Lan, *Về kịch bản tuồng tại Viện Cổ học (Huê) năm 1925*, tạp chí *Nghệ thuật Sân khấu điện ảnh*, số 13, 2008, tr.20 - 25.
- <sup>17</sup> Xin xem thống kê ở phần sau bài viết.
- <sup>18</sup> Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, bđd, tr.307.
- <sup>19</sup> *Lịch sử sân khấu Việt Nam*, sđd, tập 1, tr.32.

**VĂN BẢN KỊCH BẢN TUỒNG CỔ HIỆN TỒN<sup>1</sup>**

Nhóm thư viện	Tên thư viện	Stt	Tên vở	Số hồi, thứ, tiết	Số trang	Ghi chú
Thư viện nước ngoài	Thư viện Hoàng gia Vương quốc Anh (British Museum)	1.	An trào kiếm	3	166	1 bộ gồm 10 tập, 6.540 tr., 26 x 21, chữ Nôm, có Hán, có dấu ấn "Bảo tàng Vương quốc Anh" (British Museum). Hiện nay, Viện Nghiên cứu Hán Nôm có bản sao số văn bản tuồng này, nhận bản giao từ Viện Thông tin Khoa học Xã hội ngày 18 tháng 11 năm 1988. Bộ này được đưa vào thư mục sách sưu tầm của Viện. Khảo sát của chúng tôi dựa trên cơ sở bản chụp gốc của Bảo tàng Vương quốc Anh <sup>2</sup> .
		2.	Châu Lý Ngọc truyện <sup>3</sup>	3	154	
		3.	Đà Hắc Báo truyện	1	208	
		4.	Đào Phi Phụng truyện	4	218	
		5.	Đào Tư Huệ truyện	4	54	
		6.	Đương Dương Trường bản	1	58	
		7.	Giang Tả cầu hôn truyện	1	52	
		8.	Hán Sở tranh hùng truyện	1	68	
		9.	Hoa chúc truyện	1	46	
		10.	Hoa Dung truyện	1	44	
		11.	Hồ Thạch Hồ truyện	3	195	
		12.	Kim Thạch kỳ duyên truyện	3	286	
		13.	Kim Vân Kiều truyện	3	232	
		14.	Kính Châu phó hội truyện	1	40	
		15.	Lã Châu Hy truyện	1	46	
		16.	Lạc Phương pha truyện	1	16	
		17.	Lê Nguy Khôi truyện	3	210	
		18.	Liễu Như truyện		230	
		19.	Lưu Bình Dương Lễ ca truyện	1	42	
		20.	Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai truyện	1	23	
		21.	Lý Thiên Long truyện	4	244	
		22.	Mã Đãng Long truyện	3	136	
		23.	Mã Sỹ truyện	3	206	
		24.	Nghĩa thích Nghiêm Nhan truyện	1	22	
		25.	Ngũ hổ bình Liêu truyện	1	117	
		26.	Ngự Văn Quân truyện	4	54	
		27.	Nhạc Hoa Linh truyện	5	382	
		28.	Phong lưu ca truyện	1	90	
		29.	Sơn Hậu truyện	3	200	
		30.	Sự tích ra tuồng	1	16	
		31.	Tam cổ mao lư	1	96	
		32.	Tam úy tân truyện	2	212	



		33.	Tây du Đường Tăng cầu kinh ca truyện	1	52	
		34.	Thạch Kim Anh truyện	3	130	
		35.	Thù thế tân thanh truyện	6	226	
		36.	Thuyết Đường truyện	1	25	
		37.	Tiệt giang truyện	1	37	
		38.	Tổng Từ Minh truyện	3	242	
		39.	Trần Bồ ca truyện	2	52	
		40.	Trần Nhạc Vô truyện	3	164	
		41.	Trương Đồ Nhục truyện	1	50	
		42.	Trương Viên tiết nghĩa ca truyện	1	32	
		43.	Tứ tinh giáng thế truyện	3	186	
		44.	Từu hội truyện	1	32	
		45.	Võ Nguyên Long ca truyện	3	162	
		46.	Võ Thành Lân truyện	2	132	
	Thư viện Đại học Leiden, Hà Lan	47.	Kim Long Xích Phụng toàn tập	4	52	Theo Trương Văn Bình, <i>Sách Hán Nôm lưu giữ ở thư viện Leiden</i> (Hà Lan), tạp chí <i>Hán Nôm</i> , số 2, 1992, tr. 57 - 69.
		48.	Phong thần Bá Ấp Khảo toàn tập		18	
		49.	Tam quốc chí quốc ngữ		39	
		50.	Tam quốc chí quốc ngữ bản		25	
		51.	Tây du diễn ca nhị bản		18	
	Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp, Paris (Ecole Francaise d'Etrême - Orient)	52.	Đinh Lưu Tú diễn ca	3	134	Theo Trần Nghĩa và Francois (đồng Chủ biên), <i>Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục để yếu</i> , NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
		53.	Hoa thiên báo diễn truyện	4	136	
		54.	Lão bạng sinh châu diễn truyện	2	78	
		55.	Tứ hải đồng xuân diễn truyện		58	
		56.	Từ thắng diễn truyện	3	68	
	Thư viện Bảo tàng Guimet, Paris (Musée Guimet)	57.	Đinh Lưu Tú diễn ca	3	134	
		58.	Trần trá hôn diễn ca	3	268	
	Thư viện Quốc gia, Paris (Bibliothèque Nationale, Paris)	59.	Lão bạng sinh châu diễn truyện	2	50	
		60.	Tân bản đại sách thập bạng tế giang		8	
		61.	Tân bản tuyết trung hiện toàn sáo		13	
Thư viện công trong nước	Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm	62.	Bạch kỳ châu	1	40	
		63.	Đinh Lưu Tú diễn ca	3	120	
		64.	Đương Dương Trường Bản <sup>4</sup>	1	13	
		65.	Giang tả cầu hôn	1	17	

PHỤC DỰNG VÀ BẢO TỒN TUỒNG CỔ QUA HƯỚNG KHAI THÁC CÁC KỊCH BẢN...

		66.	Quận chúa quy Ngô	1	12	
		67.	Đường chinh tây (đệ thập thất hồi)	1	106	
		68.	Đường chinh tây diễn truyện		1556	
		69.	Gia ngẫu diễn truyện		806	
		70.	Giang lục đầu sử	1	32	
		71.	Hồ Thạch Phủ		134	
		72.	Hồ thành nhân	3	150	
		73.	Hoa dung tiểu lộ	1	50	
		74.	Kim long xích phụng toàn tập	3	104	
		75.	Tổng Lục Văn Long diễn ca	2	56	
		76.	Kim Thạch kỳ duyên	3	94	
		77.	Kim Thạch kỳ duyên	3	108	
		78.	Tam quốc diễn ca (từ Tam cố thảo lư đến Đương Dương Trường Bản)	4	112	
		79.	Tam quốc chí (Quận chúa quy Kinh Châu) <sup>5</sup>	1	39	
		80.	Tân xuất Tam quốc diễn ca (Giang tả cầu hôn toàn sáo)	1	28	
		81.	Tiểu Sơn Hậu diễn ca		148	
		82.	Trần Quảng Nhĩ diễn ca		30	
		83.	Trần trá hôn diễn ca		82	
		84.	Trung hiếu thần tiên		252	
		85.	Trung hiếu thần tiên		150	
		86.	Văn duyên diễn hí		84	
	Thư viện Viện Sân khấu <sup>6</sup>	87.	Bắc Tống	2	x	Theo Nguyễn Tô Lan, <i>Về những bản tuồng hiện lưu giữ tại Viện Sân khấu, Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội</i> , Thông báo Hán Nôm học 2007.
		88.	Châu Lý Ngọc	1	x	
		89.	Dương liễu tướng diễn truyện	3	x	
		90.	Dương lục sử	1	x	
		91.	Đào Phi Phụng	2	x	
		92.	Điện Bắc diễn truyện	x	x	
		93.	Đương Dương Trường Bản	1	x	
		94.	Đường chinh đông truyện (Nhơn Quý chém Nguyệt Anh)	x	x	
		95.	Đường tảo bắc truyện	11	x	
		96.	Đường Thế Dân sa lầy	x	x	
		97.	Gia ngẫu diễn truyện	6	x	

98.	Giác oan	3	x
99.	Giác sanh duyên	4	x
100.	Giác sanh duyên diễn truyện	7	x
101.	Hậu Sơn Hậu	x	x
102.	Hồ thành nhân	x	x
103.	Hoả hầu tinh	3	x
104.	Hoa thiên bửu diễn truyện	4	x
105.	Hùng Văn Hùng Võ	1	x
106.	La Thông tảo bác	1	x
107.	Lê Ngụy Khôi truyện	x	x
108.	Long phụng	4	x
109.	Lục Vân Tiên	x	x
110.	Lưỡng quốc trá hôn	x	x
111.	Lưỡng quốc trá hôn	3	106
112.	Lưu Bình Dương Lễ diễn ca	x	x
113.	Lưu Thiên Tích	x	x
114.	Lý Phụng Đình diễn truyện	1	x
115.	Lý Thanh Phong diễn truyện	2	x
116.	Lý Thanh Phong Mai Bạch Tuyết diễn truyện	1	x
117.	Mã Đàng Long truyện	x	x
118.	Mã Long Mã Phụng	2	X
119.	Mã Sỹ truyện	x	X
120.	Ngọc diệm hầu	2	X
121.	Ngũ hổ bình Liêu	1	X
122.	Ngự Văn Quân	3	X
123.	Nguyễn Trãi trò	x	X
124.	Ô thước	3	X
125.	Phong thần Trầm Hương các	1	X
126.	Phong thần truyện thập điều	3	X
127.	Quần phương tập khánh	5	276
128.	Sơn Hậu	3	X
129.	Sơn Hậu diễn truyện	1	X
130.	Sự thần quần tiên ca	x	X
131.	Tái sanh kỳ ngộ	1	X
132.	Tam quốc (Hoa dung)	1	X
133.	Tam quốc (Triệu đấm cửa)	1	X

PHỤC DỰNG VÀ BẢO TỒN TUỒNG CỔ QUA HƯỚNG KHAI THÁC CÁC KỊCH BẢN...

		134.	Tam quốc chí (Đương Dương Trường Bản)	1	X	
		135.	Tam quốc chí (Tam anh chiến Lã Bố)	1	X	
		136.	Tam quốc chí (Tiệt giang)	1	X	
		137.	Tam Tư chém Nguyệt cô	1	X	
		138.	Tần sinh	1	X	
		139.	Thanh xà bạch xà	1	X	
		140.	Thuyết Đường (La Thông táo Bắc)	11	X	
		141.	Thuyết Đường hậu truyện	33	X	
		142.	Trầm Hương các diễn truyện	2	X	
		143.	Trúng sự	2	X	
		144.	Trương Ngáo	1	X	
		145.	Vạn bửu trình tường	1	X	
		146.	Võ Nguyên Long	2	X	
	Thư viện Quốc gia	147.	Dương Tiệt diễn nghĩa	x	31	Theo Ngô Đức Thọ (Chủ biên), <i>Thư mục sách Hán Nôm tại Thư viện Quốc gia Hà Nội</i> , Thư viện Quốc gia xuất bản (tài liệu lưu hành nội bộ)
		148.	Lưu Bình trò	x	17	
		149.	Mã Long Mã Phụng tân trò	x	??	
		150.	Sơn Hậu diễn ca	x	20	
		151.	Tây du	x	23	
		152.	Tây du truyện	x	30	
		153.	Tam quốc diễn ca	x	50	
	Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế (Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế)	154.	Bắc Tống diễn truyện	1	56	Theo Nguyễn Tô Lan, <i>Về một vài bản tuồng mới sưu tập tại thành phố Huế</i> , tạp chí <i>Hán Nôm</i> , số 5, 2005, tr. 69 - 73.
		155.	Đào Phi Phụng	3	72	
		156.	Tống từ văn đại yển	x	42	
		157.	Hoả hầu tinh	1	74	
		158.	Hộ sanh đàn diễn truyện	1	36	
		159.	Ngũ hổ bình Liêu	4	22	
		160.	Ngũ hổ bình Tây	5	112	
		161.	Quần phương tập khánh diễn truyện	1	58	
		162.	Tam quốc diễn truyện	2	143	
		163.	Thiên tống kỳ duyên	1	65	
		164.	Tống Thái Tổ tuý trăm Trịnh Ân diễn ca	x	78	
		165.	Từ Thư tại Lưu sứ quân	x	1	
		166.	Xích phụng nguyên	1	16	

Nhà hát Tuồng Trung ương (Phòng Tư liệu)	167.	Diễn võ đình	1	34	Phòng Tư liệu	
	168.	Giang tả cầu hôn	1	34		
	169.	Hoa dung tiểu lộ	1	36		
	170.	Hoả hầu tình	3	160		
	171.	Hoàn long giải hổ	3	138		
	172.	Hồ thạch hổ	3	140		
	173.	Kim Long Xích Phụng	3	138		
	174.	Lạc phụng pha sơn Bàng Thống quy vị	1	21		
	175.	Lý Thiên Long	3	179		
	176.	Nghĩa thích Nghiêm Nhan	1	21		
	177.	Ngự Văn Quân	2	132		
	178.	Nhị khí Chu Du	1	20		
	179.	Ô thước	3	98		
	180.	Sơn Hậu	3	190		
181.	Sơn Hồ Ngạc	3	106			
182.	Thập điều diễn truyện	3	104			
183.	Tiết Đình San bài thượng hàn giang	1	46			
184.	Võ Thành Lân sự tích	3	102			
Nhà hát Tuồng Đào Tấn (Bình Định)	185.	Vạn bửu trình tường	3	x	Theo Vũ Ngọc Liễn (Chủ biên), <i>Thư mục tư liệu về Đào Tấn</i> , Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nghĩa Bình, Sở Văn hoá và Thông tin Nghĩa Bình, Nhà hát Tuồng Nghĩa Bình xuất bản, 1985, tr.252, tr. 65.	
Cục Lưu trữ Trung ương II	186.	Vạn bửu trình tường	3	x		
Văn Miếu Hà Nội	187.	Hán Sở tranh hùng	x	38	Tủ sách Hán Nôm, Văn Miếu Hà Nội	
	188.	Sơn Hậu	x	28		
Tư gia	Nhà nghiên cứu Phan Thuận An (Huế)	189.	Thiên tống kỳ duyên	2	41	Theo Nguyễn Tô Lan, <i>Về một vài bản tuồng mới sưu tập tại thành phố Huế</i> , tạp chí <i>Hán Nôm</i> , số 5, 2005, tr. 69 - 73.
	GS Nguyễn Văn Sâm (Hoa Kỳ)	190.	Vạn bửu trình tường	1	126	Tài liệu do GS cung cấp.
	Gia đình ông Quách Tấn (Nha Trang)	191.	Lý Phụng Đình	1	19	Tổng hợp theo <i>Đào Tấn và hát bội Bình Định</i> , tác giả Quách Tấn, Quách Giao, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2007. Gia đình ông Quách hiện còn lưu trữ một số
192.		Quần phương tập khánh diễn truyện	1	25		

						bản tuồng đã được phiên sang Quốc ngữ như: <i>Liệu đố</i> (1 hồi), <i>Tân dã phân bình</i> (1 hồi), <i>Trầm hương các</i> (1 hồi), <i>Cổ thành hội</i> (1 hồi), <i>Hộ sanh đàn</i> (1 hồi), <i>Vạn bửu trình tường</i> (hồi 39, 41, 42), <i>Cổ miếu văn ca</i> (1 hồi), <i>Diễn võ đình</i> (1 hồi), <i>Lý Phụng Đình</i> (1 hồi), <i>Tiết Cương phá Thiết Ngưu Phần</i> (1 lớp), <i>Phục Hoa Dung đạo</i> (1 hồi), <i>Sách Kinh Châu</i> (1 hồi), <i>Gián thập điều</i> (3 hồi), <i>Nhị độ mai</i> (7 hồi), <i>Sanh tài tá quốc</i> (1 hồi), <i>Ký thu vân thọ nạn</i> (1 hồi), <i>Tổng Thái Tổ trăm Trinh Ân</i> (1 hồi). Một số bản là bản chép tay của bà Đào Chi Tiên (con gái Đào Tấn).
Gia đình ông Bửu Thủ (Bình Định)	193.	Ngũ hổ bình Liêu	3	246	Chuyển dẫn theo <i>Đào Tấn và hát bội Bình Định</i> , tác giả Quách Tấn, Quách Giao, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2007.	
	194.	Hoàng thúc nhập nhoái	3	45	Gia đình ông Bửu Thủ giữ được một số bản Quốc ngữ: <i>Ngọc kinh đặng</i> (2 hồi), <i>Đào Phi Phụng</i> (3 hồi), <i>Tái sanh kỳ ngộ</i> (4 hồi), <i>Bích hà giáng tuyết</i> (1 hồi), <i>Thọ lão ông</i> (3 hồi)	

Qua bảng thống kê trên, chúng ta có thông tin về 194 kịch bản tuồng ở 17 cơ sở lưu trữ (trong nước và ngoài nước, công cộng hay tư nhân). Trong 196 kịch bản tuồng này, có nhiều kịch bản cùng thuộc về một vở như *Đình Lưu Tú diễn ca* được lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện bảo tàng Guimet (Paris), hai bản này một bản in ở Trung Quốc, một bản được chép tay lại, sai khác không nhiều; hoặc như vở *Quần phương tập khánh (đệ nhất hồi)* hiện còn 03 văn bản ở 03 nơi là Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế, Viện Sân khấu (Đại học Sân khấu Điện ảnh), tư gia ông Quách Tấn, trong đó đáng chú ý là, theo chỉ dẫn của ông Quách Tấn trong *Đào Tấn và hát bội Bình Định* thì rất có thể bản ông đang giữ là bản gốc<sup>7</sup> v.v.. Việc nghiên cứu văn bản học những văn bản này cần nhiều thời gian và công sức, nhất là trong tình trạng văn bản phân tán tại nhiều nơi, khó có thể trong một lúc mà bao quát hết được.

Nhìn vào đầu mục kịch bản tuồng hiện còn, chúng ta thấy so với 53 vở tuồng được lưu giữ vào thời Nguyễn thì hiện tại còn giữ được 25 vở, ngoài ra những vở khác cũng đã được sưu tầm và nhân bản thêm, để có được con số ban đầu theo thống kê trên là 194. Đây là một con số đáng kể về mặt số lượng thư tịch hiện còn cho một thể loại thư tịch đặc thù như tuồng bản và là cơ sở vững chắc để tiến hành phục dựng và bảo tồn tuồng cổ.

Điểm phân biệt của văn bản tuồng cổ so với những văn bản Hán Nôm khác là những văn bản này được chia thành hai hệ chính: một loại dùng để biểu diễn, một loại chủ yếu dùng để đọc. Loại thứ nhất phần đa là những vở tuồng có nguồn gốc, phát xuất từ dân gian, thường không lưu danh người sáng tác, nhất là những vở xuất hiện sớm. Những vở này thường khá ngắn gọn, chỉ giới hạn trong không

quá 04 hồi, thường gặp là 01 hồi hoặc kết cấu 03 hồi truyền thống. Số hồi ít như vậy cũng do yêu cầu thực tế lưu diễn của đoàn tuồng trong dân gian. Nếu là một hồi thì diễn trọn trong một đêm, còn các vở nhiều hồi hơn được diễn trong 03 hoặc 04 đêm liền. Thuộc loại này có thể kể đến những vở kinh điển như *Sơn Hậu*, *Tam nữ đô vương*, *Đình Lưu Tú*, *Ngự Văn Quân*, *Đào Phi Phụng*, *Hoả hầu tình* v.v...

Loại thứ hai thông thường là những vở xuất hiện khá muộn sau này, do các nho sỹ triều Nguyễn sáng tác nhằm mục đích thưởng ngoạn. Loại này có một số đặc điểm nổi bật như: lời văn thường điển nhã, uyên áo, vận dụng nhiều điển tích, điển cố Hán thể hiện rõ tài năng văn chương của người sáng tác. Một số vở thuộc dạng này có lưu danh người sáng tác như: *Bình hoài* của Hàm Thuận vương<sup>8</sup>, *Nhạc oai danh* của Ngô Quý Đồng v.v... hoặc một số vở tuồng phổ biến ở miền Nam như *Kim Thạch kỳ duyên* của Bùi Hữu Nghĩa. Những vở dạng này rất được giới trí thức phong kiến coi trọng, coi nó như là một tác phẩm văn học thực thụ. Đạm Phương nữ sử từng nhận xét về việc sáng tác tuồng đương thời (đầu thế kỷ XX): “cách đặt tuồng thời cũng như cách đặt tiểu thuyết, đại đồng, tiểu dị chỉ có cú pháp đóng theo âm luật mà thôi”<sup>9</sup>. Tuy vậy, nhược điểm chính của loại này là văn từ tuy điệu xảo nhưng nhiều chỗ để thuận văn nên phải phạm vào âm luật, hoặc giả người sáng tác không câu nệ lắm vào nó nên thành ra kịch bản không phù hợp với thực tế diễn xuất. Trong kịch bản tuồng, chỉ cần một chữ phạm âm luật, người diễn viên đã không thể hát được. Lại thêm, chính vì để tâm quá mức vào văn từ nên người xem bình dân khó lĩnh hội được. Đây là lý do khiến bầu gánh khó có thể chọn những vở như vậy để diễn. Khán giả không lĩnh hội được thì không thích thú, không thích thú thì ít người đến xem, vé bán được ít, đời sống diễn viên đã khó khăn lại càng khó khăn. Một đặc điểm nữa của loại này là có một số vở, số hồi vượt ngoài con số ba bốn hồi thông thường, như *Vạn bửu trình tường* 108 hồi, *Quần phương tập khánh* 60 hồi, *Học lâm*<sup>10</sup> đến hàng trăm hồi, *Tam quốc chí* 110 hồi v.v... nên ngoài diễn xướng có sự tổ chức của triều đình ra thì gánh hát dân gian khó có thể kham nổi, có chăng chỉ chọn một vài hồi, hoặc một vài lớp để diễn như lớp “Hoa trì mộng” (*Vạn bửu trình tường*), “Hải Đường - Thạch Trúc” (*Quần phương hiển thụy*). Tác dụng chính của kịch bản tuồng loại này vẫn không nằm ngoài thưởng ngoạn văn học, bởi thực sự chính nó có giá trị văn học rất cao: “Văn chương tuồng hát là một lối văn chương đặc biệt của người An Nam mình. Tuy lột nếp Tàu mà thực không giống Tàu, có cái tôn chỉ huyền diệu linh động lạ thường, thực một lối văn chương kỳ tuyệt, diệu tuyệt không phải mọi người ai ai học thông văn thạo thời đặt nổi tuồng hát được hết thầy đâu”<sup>11</sup>, vì vậy mà trong cung triều Nguyễn thời vua Tự Đức có hoạt động đọc tuồng<sup>12</sup>, đây được coi là một sinh hoạt văn hoá không thể thiếu của triều đình đương thời.

Trong công tác phục dựng tuồng cổ, cả hai loại kịch bản tuồng cổ trên đều phát huy được tác dụng của nó từ hai hướng khác nhau, xuất phát từ chính đặc điểm của nó.

Loại thứ nhất vốn dĩ là kịch bản dành cho nghệ sỹ biểu diễn, phù hợp với hoạt động biểu diễn của người nghệ sỹ xưa, thì nay nó cũng phục vụ hiệu quả cho nghệ sỹ bộ môn tuồng. Như ở phần đầu bài viết đã đề cập, một hạn chế khá lớn mà người nghệ sỹ ngày nay gặp phải là ngôn ngữ, họ không được học chữ Nôm để có thể đọc được văn bản kịch bản tuồng cũng như không có phong nền văn hoá Hán cổ để thâm thấu được văn từ trong tuồng bản. Vì vậy, số vở tuồng cổ được phục dựng đã ít mà số diễn viên diễn cho đúng được cái thần của câu hát, cái hồn của nhân vật lại càng ít. Dĩ nhiên, không thể yêu cầu người diễn viên ngoài việc học nghề phải thông thạo Hán Nôm, bởi chính người học Hán Nôm, nghiên cứu Hán Nôm cũng phải mất nhiều năm để gây dựng vốn liếng cho mình, nhưng những người làm Hán Nôm và người biểu diễn có thể tận dụng được sở trường của mình để hỗ trợ lẫn nhau.

Trước hết, văn bản kịch bản tuồng cổ phải được nghiên cứu kỹ càng về văn bản học, chọn ra một bản đầy đủ, đáng tin cậy nhất làm bản nền. Để tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu, văn bản tuồng cổ nên được đưa vào một chương trình sưu tầm cấp quốc gia nhằm tập trung các văn bản này về một cơ sở chính. Có như vậy, các văn bản khác nhau của cùng một vở tuồng mới có thể được nghiên cứu cùng một lúc, tránh tình trạng “thầy bói xem voi”. Chọn được bản nền là bước đầu tiên để đi đến thao tác phiên dịch ra chữ quốc ngữ hiện thời.

Một thao tác không kém phần quan trọng khác là công tác chú thích. Chú thích ở đây bao gồm việc chú thích về mặt ngữ nghĩa của từ ngữ Hán Nôm (nhất là trong tình trạng hiện nay nhiều chữ Hán, Nôm đã được dùng với nghĩa rất khác so với cách đây hơn trăm năm, hoặc giả một số từ, ngữ hiện nay đã rất hiếm gặp, đã thế “tuồng hát có cái khí vị cổ phong, phần nhiều dùng những tiếng ca dao, ngôn ngữ, thơ hay, văn cũ, tiếng trợ ngữ, câu thành ngữ rất nhiều, lai tiếng nói thông đủ ba kỳ”<sup>13</sup> gây khó khăn rất nhiều cho người thời nay), các điển tích, điển cố Hán - Nôm. Có vậy, người diễn viên mới thâm thấu hết được cái hay, cái đẹp của lời hát, mới hiểu rõ được những sắc thái tâm lý của nhân vật mà mình thể hiện. Cố nhiên, người làm công tác nghiên cứu, dịch thuật, chú thích như vậy phải tham khảo người trực tiếp biểu diễn để có thể phiên dịch đúng về mặt âm luật (vì nhiều khi một chữ Hán có nhiều âm đọc khác nhau), hoặc phiên dịch đúng đặc điểm ngôn ngữ của tuồng từng miền trong cả nước.

Công tác nghiên cứu, dịch thuật, chú thích kịch bản tuồng cổ ngoài việc cung cấp “nguyên liệu” trình diễn cho diễn viên còn có thể hỗ trợ cho công chúng yêu nghệ thuật trong và ngoài nước. “Tuồng là một dạng kịch hát, trong đó tổng thể với sự tham gia của các yếu tố: múa, hát, nói lối, làm động tác, kịch câm, trong đấy có kịch bản, biểu diễn, âm nhạc, trang trí, phục trang, nghệ thuật biểu diễn của diễn viên đóng vai trò chủ chốt”<sup>14</sup>. Chính vì vậy, người xem thông thường, nhất là khán giả ngoại quốc thật khó có thể hình dung được tình tiết của vở tuồng, chứ chưa nói gì đến việc hiểu được cái hay và yêu tuồng. Opera của phương Tây cũng



là một hình thức đáng học tập bởi người đến xem bao giờ cũng được cung cấp một bản hướng dẫn ngắn gọn về các lớp, đoạn, cũng như tình tiết của vở kịch. Cung cấp cho người xem nội dung khái quát của vở tuồng, ý nghĩa cơ bản của từng hồi, lớp, giới thiệu kỹ càng về nghệ thuật của một vài lớp tiêu biểu sẽ là người bạn đường cho khán giả trong suốt hành trình khám phá vẻ đẹp của kịch hát dân tộc.

Ngày nay, cùng với các loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam khác, tuồng cũng tham gia vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy và giới thiệu bản sắc văn hoá dân tộc. Ngoài việc cung cấp cho khán giả đến rạp xem tuồng những giới thiệu như đã nói ở trên, những nội dung này cần được cung cấp một cách tiện ích trên website của các nhà hát, website về du lịch để người xem có cơ hội chọn lựa những nội dung ưa thích, gợi mở lòng hiếu kỳ, ham thích của người xem, lôi cuốn họ thường thức tuồng tại nhà hát. Hướng tới không chỉ công chúng trong nước mà còn công chúng nước ngoài, những giới thiệu này cần được dịch ra nhiều thứ tiếng phổ biến trên thế giới như Anh, Pháp, Trung Quốc v.v... để giúp khán giả nước ngoài có thể hiểu được nghệ thuật sân khấu truyền thống tiêu biểu của Việt Nam này. Giới thiệu nội dung cơ bản của vở tuồng và những trích đoạn tiêu biểu cũng là việc cần thiết trong những chương trình truyền hình trực tiếp tuồng cổ. Bởi khán giả đương đại không có những tố chất của người xem xưa, phần lớn đã thuộc lòng các lớp tuồng tiêu biểu, những hình thức nghệ thuật tượng trưng của vũ đạo, nguyên lý khí nhạc, ý nghĩa phục trang và đạo cụ của tuồng. Khi xem, khán giả mặc nhiên đã thông thạo nội dung, thuộc câu hát, cái để người xem xem đi xem lại nhiều lần một trích đoạn, một lớp, một hồi tuồng cổ (chưa nói gì đến việc xem cả một vở tuồng nhiều hồi) là để bình phẩm, đánh giá tài nghệ của diễn viên, sự sáng tạo của từng gánh tuồng mà thôi.

Khán giả là yếu tố cần để duy trì sinh mệnh của nghệ thuật. Không chỉ riêng tuồng, bất cứ môn nghệ thuật nào cũng phải có công chúng văn hoá của nó, nếu không, sẽ trở thành một thứ nghệ thuật chết, một thứ nghệ thuật nằm chờ bụi phủ trong viện bảo tàng. Để khôi phục, bảo tồn tuồng cổ, việc cần làm song song với việc phục dựng các kịch bản cổ là khôi phục lại công chúng văn hoá của tuồng cổ. Tuồng cổ dù hay dù đẹp đến đâu, có được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước ca ngợi đến đâu nếu không có công chúng văn hoá của nó thì cũng chỉ là một vài vở diễn đem đi tranh tài ở các hội thi hoặc giả trở thành đối tượng cho một dự án bảo tồn văn hoá nào đó, những dự án mà kết thúc, tuồng cổ được đem ra bình luận đánh giá trong hội nghị tổng kết, vở diễn được diễn báo cáo hội nghị rồi lại “đắp chiếu” mà thôi.

Điều đáng nói ở đây, công chúng văn hoá của tuồng ngày nay với những đặc điểm của thời hiện đại không có những tố chất của khán giả tuồng xưa. Để khôi phục được tuồng cổ, phải khôi phục được cả công chúng văn hoá của tuồng cổ, cung cấp

cho công chúng kiến thức về mỹ học tuồng cổ, nội dung văn học, đặc điểm nghệ thuật để công chúng có được mỹ cảm về bộ môn nghệ thuật này. Đã có nhiều nỗ lực thử nghiệm đưa tuồng cổ vào nhà trường, lên truyền hình với nhiều hình thức khác nhau, hoặc gần đây có ý kiến đưa một số trích đoạn tuồng tiêu biểu vào sách giáo khoa v.v... và bước đầu đã thu được một số phản hồi nhất định. Bên cạnh những biện pháp kể trên, kịch bản tuồng cũng có thể tham gia một cách tích cực vào việc xây dựng mỹ cảm tuồng cổ cho công chúng thông qua việc xuất bản những kịch bản tuồng cổ có giá trị như là những tác phẩm văn học thực thụ. Đây chính là chỗ để hệ kịch bản thứ hai chúng tôi đề cập đến ở trên phát huy tác dụng.

Hệ kịch bản thứ hai là những kịch bản chủ yếu được viết ra để đọc với tư cách là một tác phẩm văn học, thường có giá trị nghệ thuật cao khiến độc giả phổ thông dù không có tri thức về nghệ thuật tuồng cũng dễ dàng tiếp nhận. Trước năm 1975, ở Sài Gòn đã từng có nhiều kịch bản tuồng cổ được phiên âm ra quốc ngữ bán rộng rãi và được công chúng tiếp nhận nồng nhiệt. Ở miền Bắc cũng đã có một số kịch bản, sau đó được xuất bản, những năm gần đây tuy công việc này vẫn được tiếp tục nhưng số lượng kịch bản xuất bản không nhiều, tựu trung vẫn xoay quanh một số vở “kinh điển” như *Sơn Hậu*, *Tam nữ đô vương*<sup>15</sup>, *Đào Phi Phụng*<sup>16</sup> hoặc một số vở tuồng hài cổ như *Tiên Bửu*, *Trương Ngáo*<sup>17</sup> v.v... Việc xuất bản những kịch bản tuồng này là việc cần thiết bởi qua nội dung về mặt văn học, người đọc dần dần có khái niệm về trình thức của tuồng cổ (các lối bạch, hát nam, hát khách), mỹ học của tuồng cổ (hình thức đăng đối của câu hát, nghệ thuật sử dụng điển tích điển cố) v.v... mà gây dựng được lòng yêu mến, nếu không, ít nhất là sự hiếu kỳ với môn nghệ thuật này. “Độc giả văn học” của tuồng là những công chúng văn hoá tuồng tiềm năng nhất.

Xuất bản kịch bản tuồng cổ là “một mũi tên trúng hai đích”, nhất là với những kịch bản tuồng cổ vừa có giá trị văn học, vừa có giá trị biểu diễn. Xét về những vở tuồng mẫu mực như *Sơn Hậu*, *Đào Phi Phụng*, *Kim Thạch kỳ duyên*, *Trần trá hôn*, *Đình Lưu Tú*, *Ngũ hổ bình Liêu* v.v..., việc cung cấp kịch bản cho công chúng giúp công chúng trước khi xem tuồng đã có sẵn vốn văn hoá đọc về tuồng, ít nhiều biết được nội dung vở tuồng ra sao, có những nhân vật nào, nhân vật nào thiện, nhân vật nào ác, diễn biến tâm lý nhân vật. Điều này khiến cho người xem tuồng ít nhiều có được một số tố chất của công chúng văn hoá tuồng. Đối với một số vở tuồng mượn tích truyện Trung Quốc, thì càng phát huy được tác dụng. Ví như những *Ngũ hổ bình Liêu*, *Đường Chinh Đông*, *Đường Chinh Tây*, *Tam hạ nam Đường* vốn đã quen thuộc với công chúng ngày nay qua phim truyền hình Trung Quốc (cũng như quen thuộc với công chúng xưa qua các tiểu thuyết được bày bán la liệt trên phố) thì lại càng dễ dàng hơn để tiếp nhận kịch bản văn học của tuồng. Trường hợp này rõ ràng với tuồng cổ *Tam quốc chí*. Tuồng này có hai hệ kịch bản. Hệ thứ nhất chuyên dùng để biểu diễn, là các hồi riêng biệt, trọn vẹn như *Hoa dung tiểu lộ*, *Nghĩa thích Nghiêm Nhan*, *Giang tả cầu hôn* v.v... trình bày riêng một tích truyện trong *Tam quốc chí*.

Những trích đoạn này vốn được diễn rất phổ biến trong dân gian trước kia do tính chất ngắn gọn (chỉ diễn trong một đêm là đủ) và là những tích truyện tiêu biểu, ai cũng thuộc, ai cũng nhớ. Hệ thứ hai được dùng để đọc gồm 110 hồi (hiện nay mới thu thập được 33 hồi<sup>18</sup>), đặc trưng của hệ văn bản này là xuyên suốt *Tam quốc chí*, mỗi chương được trình bày vào một hồi với mở đầu bằng hai câu giới thuyết nội dung chính của từng hồi. Như hồi 28 bắt đầu bằng câu: “Trảm Sái Dương huynh đệ thích nghi; Hội Cổ Thành chúa thần tỵ nghĩa”, hồi 64 bắt đầu bằng câu “Khổng Minh định kế tróc Trương Dụng, Dương Phục tá binh phá Mã Siêu” làm kịch bản tuồng vẫn mang dáng dấp của một tiểu thuyết chương hồi. Kịch bản này đem lại một cái nhìn tổng thể cho người đọc, người xem tuồng về *Tam quốc chí*, hình dung được các trích đoạn riêng biệt nằm ở đâu, trước đó ra sao, sau đó thì như thế nào. Hai hệ kịch bản này hỗ trợ lẫn nhau, khiến cho *Tam quốc chí* trở thành một trong những kịch bản tuồng được ưa chuộng trước kia.

Trong những năm gần đây, một số vở tuồng cổ đã được phục dựng. Phải kể đến các vở/ trích đoạn tuồng cổ do Nhà hát Nghệ thuật hát bội Thành phố Hồ Chí Minh trình diễn như: *Trảm Trịnh Ân, San Hậu, Bạch Viên - Tôn Các* v.v..., hoặc phục dựng hồi thứ hai vở *Ngũ hổ bình Liêu* của Nhà hát Tuồng Đào Tấn, trình diễn vào tết cổ truyền năm Đinh Hợi<sup>19</sup>, và gần đây là một số vở, trích đoạn tuồng cổ được biểu diễn tại rạp Hồng Hà (Nhà hát Tuồng Trung ương) như *Triệu Đình Long cứu chúa, Nữ tướng Đào Tam Xuân, Mộc Quế Anh dâng cây* v.v... Mặc dù đây đã là cố gắng vượt bậc của các đoàn tuồng cũng như nhà hát trong điều kiện công chúng còn ít ỏi, nghệ sỹ lão thành đã khuất bóng nhiều, không còn người chỉ dạy các vở tuồng cổ nhưng thực sự vẫn chưa có thể làm nên một bóng dáng tuồng cổ trong công chúng đương đại. Chúng ta đang có trong tay một kho báu vô giá là kho kịch bản tuồng cổ đang chờ được khai thác với số lượng lên đến 1946 bản. Vậy việc trước mắt chính là phải tập hợp tuồng cổ tại các trung tâm lưu trữ và những tư gia tại một trung tâm; xây dựng đội ngũ học giả chuyên phiên dịch, chú giải, nghiên cứu giá trị tuồng cổ; tiến hành công tác xuất bản, giới thiệu kịch bản tuồng với nghệ sỹ biểu diễn tuồng trong cả nước và độc giả nói chung. Đây là một việc cần làm ngay trước khi kịch bản tuồng mai một hoặc bị huỷ hoại. Cách đây ngót 10 năm GS. Hoàng Chương đã kêu gọi tha thiết trong Báo cáo đề dẫn Hội thảo “Danh sỹ Huế với tuồng truyền thống Huế”<sup>20</sup>: “...tôi đề nghị Huế nên đầu tư (dĩ nhiên là nhà nước phải cấp một khoản kinh phí lớn) cho việc dịch và phổ biến hàng chục ngàn trang kịch bản tuồng Hán Nôm vốn ra đời từ Huế trong thế kỷ XIX, rồi sống “lưu vong” ở London (Anh quốc) nay đã trở về nằm im trong tủ kín của Viện Hán Nôm ở Hà Nội. Trong số đó có những vở tuồng mà bà Đạm Phương nữ sử đã nhắc và đã ngợi ca, nhưng quả thật cho đến nay chúng ta vẫn “bất kiến kỳ hình”.

Để thay cho lời kết, chúng tôi muốn mượn lời của tuân lý Huỳnh Khắc Dụng viết năm 1970: “Và lại ngày nay hát bội đang xuống dốc, bị dư luận bỏ rơi, muốn

ghi lại hình ảnh một lối biểu diễn nghệ thuật phản chiếu một quá thời mà mỗi người dân Việt có lý do để hãnh diện, thì cần bắt tay ngay vào việc”<sup>21</sup>.

## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Vì điều kiện có hạn, chúng tôi chỉ có thể khảo sát trực tiếp những văn bản tại: Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, phòng Tư liệu Nhà hát Tuồng Trung ương, Văn Miếu Hà Nội, Nhà hát cung đình Huế, tư gia nhà nghiên cứu Phan Thuận An, thông tin về một số nơi lưu trữ như các thư viện ở nước ngoài, tư gia ông Quách Tấn, ông Bửu Thù v.v. được chúng tôi dẫn theo tài liệu nghiên cứu của các học giả, những trường hợp này chúng tôi có ghi chú rõ ràng. Khi có cơ hội khảo sát trực tiếp chúng tôi xin được bổ sung sau.
- <sup>2</sup> Toàn bộ bản chụp chúng tôi khảo sát do GS. Nguyễn Văn Sâm cung cấp.
- <sup>3</sup> Hiện chưa tìm thấy bản này trong kho sách sưu tầm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- <sup>4</sup> Hồi này nằm trong văn bản *Trùng tương tân lục*, ký hiệu thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm là AB.492. Trong sách này, sau *Trùng tương tân lục* có phụ chép thêm một số hồi của kịch bản tuồng *Tam quốc chí*. Từ trang 21 đến trang 33 có chép nội dung của hồi *Đương Dương Trường Bản* nhưng không có tiêu đề, chúng tôi tạm đặt như trên.
- <sup>5</sup> Hồi này nằm trong văn bản *Trùng tương tân lục*, sđd, từ trang 49 đến trang 70. Bao gồm hai phần *Quận chúa quy Ngô* và nội dung của tích truyện *Ngũ quan trăm tướng* (tích Quan Công qua năm ải chém sáu tướng) nhưng không phân biệt rõ từng phần, lại không có tiêu đề cho phần này, vì vậy chúng tôi thống kê chung vào hồi *Quận chúa quy Ngô*.
- <sup>6</sup> Do quy định về khai thác tài liệu Hán Nôm của Viện Sân khấu nên chúng tôi mới trực tiếp khảo sát được 03 vở tuồng là *Lưỡng quốc trá hôn*, *Quần phương tập khánh*, *Vạn biểu trình tường*. Những vở còn lại chúng tôi căn cứ trên sổ đăng ký tài liệu đặc biệt của Viện.
- <sup>7</sup> Quách Tấn - Quách Giao, *Đào Tấn và hát bội Bình Định*, sđd, tr.366.
- <sup>8</sup> Hàm Thuận Quận vương, hoàng tử thứ 9 của vua Minh Mạng.
- <sup>9</sup> Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, bđd, tr.304.
- <sup>10</sup> Cho đến nay, *Học lâm* vẫn được coi như là một vở tuồng cung đình mà người ta chỉ “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”.
- <sup>11</sup> Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, bđd, tr.304.
- <sup>12</sup> “Trong Nội đình thường có một ban chực châu tuồng, nghĩa là cứ ngồi mà đọc, nhưng đọc có âm vận, nghe rất êm ái”, Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, bđd, tr.305.
- <sup>13</sup> Đạm Phương nữ sử, *Lược khảo về tuồng hát An Nam*, bđd, tr.307.
- <sup>14</sup> Thành Đăng Khánh, Lý giải đôi điều về ý kiến của Đạm Phương nữ sử trong bài “Lược khảo về tuồng hát An Nam”, *Danh sỹ Huế với tuồng truyền thống Huế*, Viện Sân khấu xuất bản, Hà Nội, 1999, tr.115.
- <sup>15</sup> Xem Hoàng Châu Ký, *Tuồng cổ*, sđd.
- <sup>16</sup> Xem *Kịch bản Tuồng trước Cách mạng*, tập 2, Viện Nghiên cứu Sân khấu xuất bản, Hà Nội, 1970.
- <sup>17</sup> Xem Lê Ngọc Cầu, *Tuồng hài*, sđd.
- <sup>18</sup> GS. Nguyễn Văn Sâm là người đã thu thập được 33 hồi của kịch bản này từ nhiều nguồn (gồm các hồi: 18, 28, 31, 32, 33, 37, 38, 40, 43, 44, 46, 51, 52, 54, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 69, 70, 75, 78, 84, 86, 88, 89, 94, 105, 108, 110, 114) và cung cấp toàn bộ cho chúng tôi. Nhân đây, chúng tôi xin ngõ lời cảm ơn.
- <sup>19</sup> <http://www.baobinhdinhh.com.vn/vanhua-nghethuat/2007/2/38936/>
- <sup>20</sup> Hoàng Chương, Báo cáo đề dẫn Hội thảo “Danh sỹ Huế với tuồng truyền thống Huế”, *Danh sỹ Huế với tuồng truyền thống Huế*, Viện Sân khấu xuất bản, sđd, tr.43.

- 
- <sup>21</sup> Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng, *Hát bội* (theater Traditionel du VIET-NAM), Kim Lai Ấn quán (3, đường Nguyễn Siêu, Sài Gòn), 1970, tr.562, Tự ngôn.